

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quang H, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 14 (nay là xóm Yên Duệ), xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: **Grzybowska 9, 00-132, Warszawa, Cộng hòa Ba Lan**; vắng mặt tại phiên tòa và xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 14 (nay là xóm Yên Duệ), xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: **Grzybowska 9, 00-132, Warszawa, Cộng hòa Ba Lan**; vắng mặt tại phiên tòa và xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Quang T, sinh năm 1971

Bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ cư trú: Xóm 14 (nay là xóm Yên Duệ), xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền (có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan), nguyên đơn anh Trần Quang H trình bày:

Năm 2013, anh và Chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi nhau nên ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Hiện tại, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Hà V, sinh ngày 18/4/2014 và Trần Hà Minh Kh, sinh ngày 18/10/2015. Hiện các con đang được bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh và chị D thỏa thuận giao các con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh đang sinh sống tại Cộng hòa Ba Lan chưa thể về Việt Nam nên anh nhờ bố mẹ anh là ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Quang H đang cư trú tại Cộng hòa Ba Lan, chưa có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho ông Trần Quang T (bố của anh), sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Xóm 14, xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Theo bản tự khai (có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan), bị đơn Chị Nguyễn Thị D trình bày:

Năm 2013, chị và anh Trần Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018 trở đi vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh H làm đơn ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Hà V, sinh ngày 18/4/2014 và Trần Hà Minh Kh, sinh ngày 18/10/2015. Hiện các con đang được bố mẹ anh H là ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nếu ly hôn, chị đồng ý giao các con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị D đang cư trú tại Cộng hòa Ba Lan, chưa có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho ông Lê Văn Hiếu, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An nộp tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh có đơn trình bày:

Anh Trần Quang H là con trai của ông bà, hiện đang lao động tại Cộng hòa Ba Lan. Năm 2013, anh H kết hôn với chị Dung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Th, huyện Yên Th. Trong thời gian chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung là Trần Thị Hà V, sinh năm 2014 và Trần Hà Minh Kh, sinh năm 2015. Nay anh H và chị Dung ly hôn, thỏa thuận giao 02 cháu Trần Thị Hà V và Trần Hà Minh Kh cho anh H nuôi dưỡng. Nhưng hiện nay, anh H đang sinh sống vào lao động tại Cộng hòa Ba Lan nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Do đó, anh Hà có nhờ ông bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian anh H ở Ba Lan. Ông bà cam đoan nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Trần Thị Hà V và Trần Hà Minh Kh cho đến khi anh H về Việt Nam. Đồng thời, ông bà không yêu cầu anh H và chị D phải trả chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Vì lý do sức khỏe nên ông bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Quang H hiện đang cư trú tại Cộng hòa Ba Lan nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Nguyễn Thị D hiện đang cư trú tại Cộng hòa Ba Lan; trước xuất cảnh, anh H và chị D đều có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định

tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D đang cư trú tại Cộng hòa Ba Lan, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh H ủy quyền cho ông Trần Quang T (bố của anh Hà), sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Xóm 14 (nay là xóm Yên Duệ), xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu (có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị D ủy quyền cho ông Lê Văn Hiếu, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai, tài liệu (có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn trình bày cho Tòa án nhưng vì lý do sức khỏe nên đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 08 tháng 11 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi nhau nên ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Hiện tại, anh H và chị D đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên anh H nộp đơn ly hôn chị Dung tại Tòa án. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Quang H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D có 02 con chung. Nay ly hôn, anh H và chị D thỏa thuận: Giao cho anh Trần Quang H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thị Hà V, sinh ngày 18/4/2014 và Trần Hà Minh Kh, sinh ngày 18/10/2015 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do anh H đang ở nước ngoài nên ông Trần Quang T và bà

Hoàng Thị Nh (bố mẹ của anh H) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Thị Hà V và Trần Hà Minh Kh, chu đáo cho đến khi anh H về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D, ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Trần Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trần Quang H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D có 02 con chung;

Giao cho anh Trần Quang H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thị Hà V, sinh ngày 18/4/2014 và Trần Hà Minh Kh, sinh ngày 18/10/2015 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do anh H đang ở nước ngoài nên ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh (bố mẹ của anh H) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Thị Hà V và Trần Hà Minh Kh chu đáo cho đến khi anh H về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D, ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Quang H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011669 ngày 08/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Trần Quang H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Quang H và Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Trần Quang T và bà Hoàng Thị Nh có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Sơn Th, huyện Yên Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh